TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 09/2024/QĐST - DS	*Càng Long, ngày 08 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2023, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 252/2023/TLST - DS, ngày 08 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi" giữa:*

Nguyên đơn: Bà Lâm Thị A, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953. Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền phải trả: Bà Lâm Thị A với bà Nguyễn Thị N tự nguyện thỏa thuận là bà N có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền nợ hụi đã đóng choàng 03 lần vào lần khui thứ 08 (ngày 28/02/2022al), lần khui thứ 9 (ngày 01/7/2022al) và lần khui thứ 10 (ngày 17/10/2022al) là 9.000.000đồng *(Chín triệu đồng),* nợ của dây hụi mùa 3.000.000đồng khui ngày 26/9/2019al (dây số 04), gồm 15 phần. Dây hụi này còn 02 lần nữa mãn hụi bà A chưa khởi kiện.

Bà Lâm Thị A thống nhất nhận số tiền này.

- Về thời gian trả: Bà Lâm Thị A với bà Nguyễn Thị N tự nguyện thỏa thuận thời gian bà N trả số tiền 9.000.000đồng *(Chín triệu đồng)* cho bà A do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long giải quyết theo quy định của pháp luật Thi hành án dân sự.

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Là 225.000đồng (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị N tự nguyện nộp toàn bộ số tiền này. Nhưng do bà N thuộc diện người cao tuổi nên bà được miễn nộp án phí đối với phần bà phải chịu, đối với phần án phí mà bà N tự nguyện chịu thay bà A thì bà N có nghĩa vụ nộp; tức là bà N phải nộp số tiền là 112.500đồng (*Một trăm mười hai nghìn năm trăm đồng*).

Bà Lâm Thị A không phải chịu án phí sơ thẩm. Đối với số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà A đã nộp tại biên lai số AA/2020/0019751 ngày 04 tháng 12 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu được hoàn trả cho bà A.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh